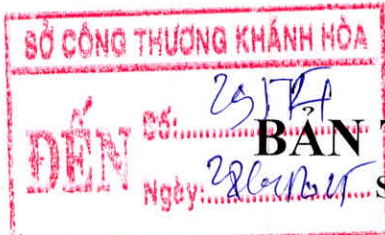




Người ký: SỞ CÔNG THƯƠNG
Email: set@khanhhoa.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
Thời gian ký: 28.04.2025 10:28:52 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08/Công ty cổ phần Vinpearl/2025

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN VINPEARL

Địa chỉ: Đảo Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại : 058 3590611 Fax : 0583590613

Mã số doanh nghiệp : 4200456848

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: KEM QUE VỊ SÔ-CÔ-LA

2. Thành phần: nước, bột kem béo thực vật, đường, bột chocolate (3%), bột sữa tách kem, bột kem nền gelato, bột cacao.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và Hạn sử dụng: Xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Đóng gói với khối lượng tịnh: 110 g hoặc tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên bao bì sản phẩm.

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi Giấy/PE và khay nhựa PE tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Bên ngoài là thùng giấy carton. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm:

Xuất xứ: Việt Nam.

Sản xuất tại: Địa điểm kinh doanh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ TYRAN

Địa chỉ: D20/530A Trịnh Quang Nghị, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cơ sở sản xuất thực phẩm đã được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)



IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Nghị định: 43/2014/NĐ-CP: Nghị định về nhãn hàng hóa.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư số 17/2023/TT-BYT: Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ Trưởng Bộ Y Tế ban hành.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật sản phẩm số: 08/2025 – VINPEARL.

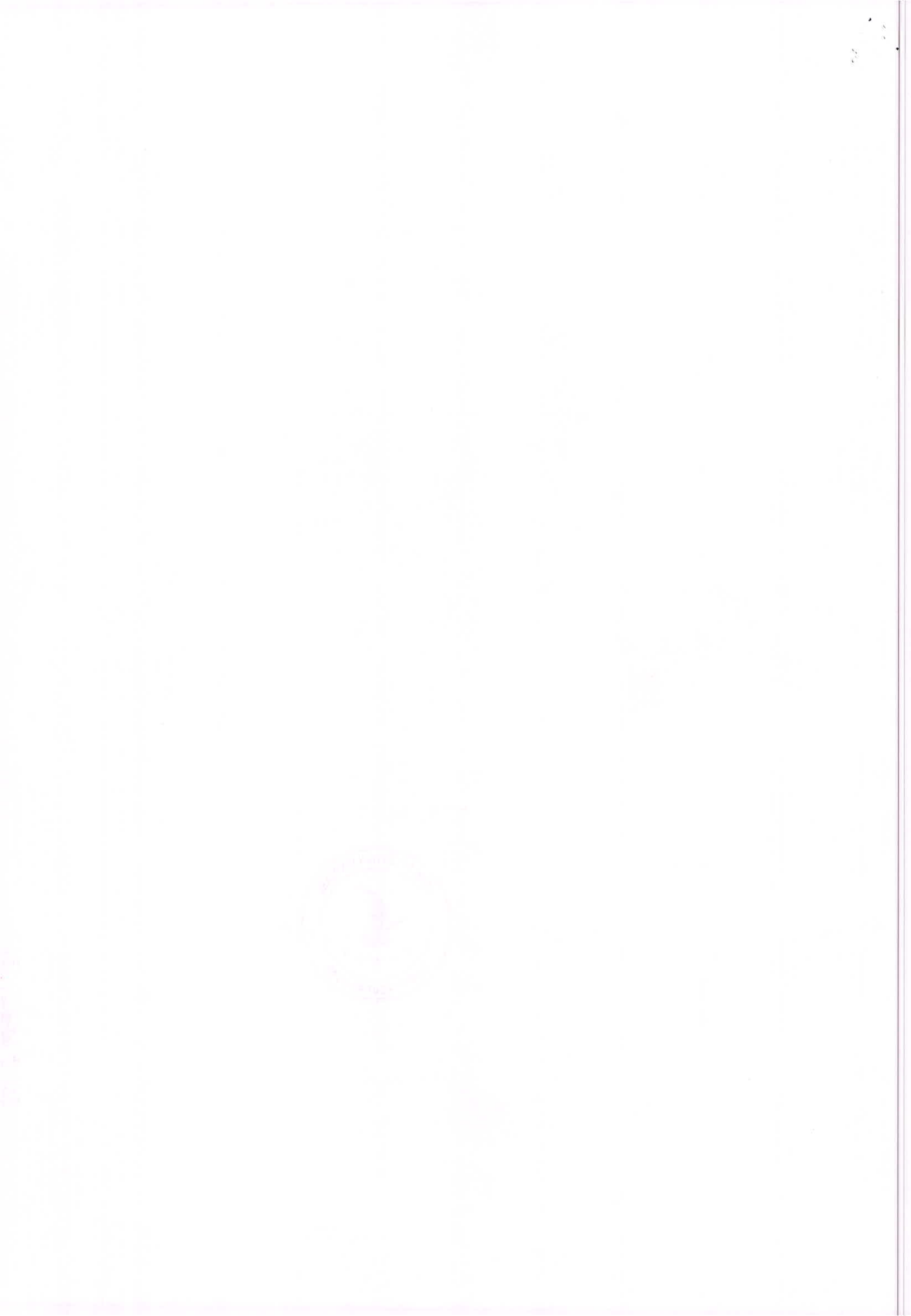
Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2025

 ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC 




VÕ THỊ PHƯƠNG THẢO





TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT SẢN PHẨM

- Tên sản phẩm:** KEM QUE VỊ SÔ-CÔ-LA
- Thành phần:** nước, bột kem béo thực vật, đường, bột chocolate (3%), bột sữa tách kem, bột kem nền gelato, bột cacao.
- Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:**
Xuất xứ: Việt Nam.
Sản xuất tại: Địa điểm kinh doanh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ TYRAN.
Địa chỉ: D20/530A Trịnh Quang Nghị, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các chỉ tiêu cảm quan:

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | YÊU CẦU CẢM QUAN |
|-----|--------------|------------------------------|
| 1 | Trạng thái | Kem dẻo, mềm, mịn. |
| 2 | Màu sắc | Màu đặc trưng của sản phẩm. |
| 3 | Mùi | Thơm đặc trưng của sản phẩm. |
| 4 | Vị | Ngọt, béo, không có vị lạ |

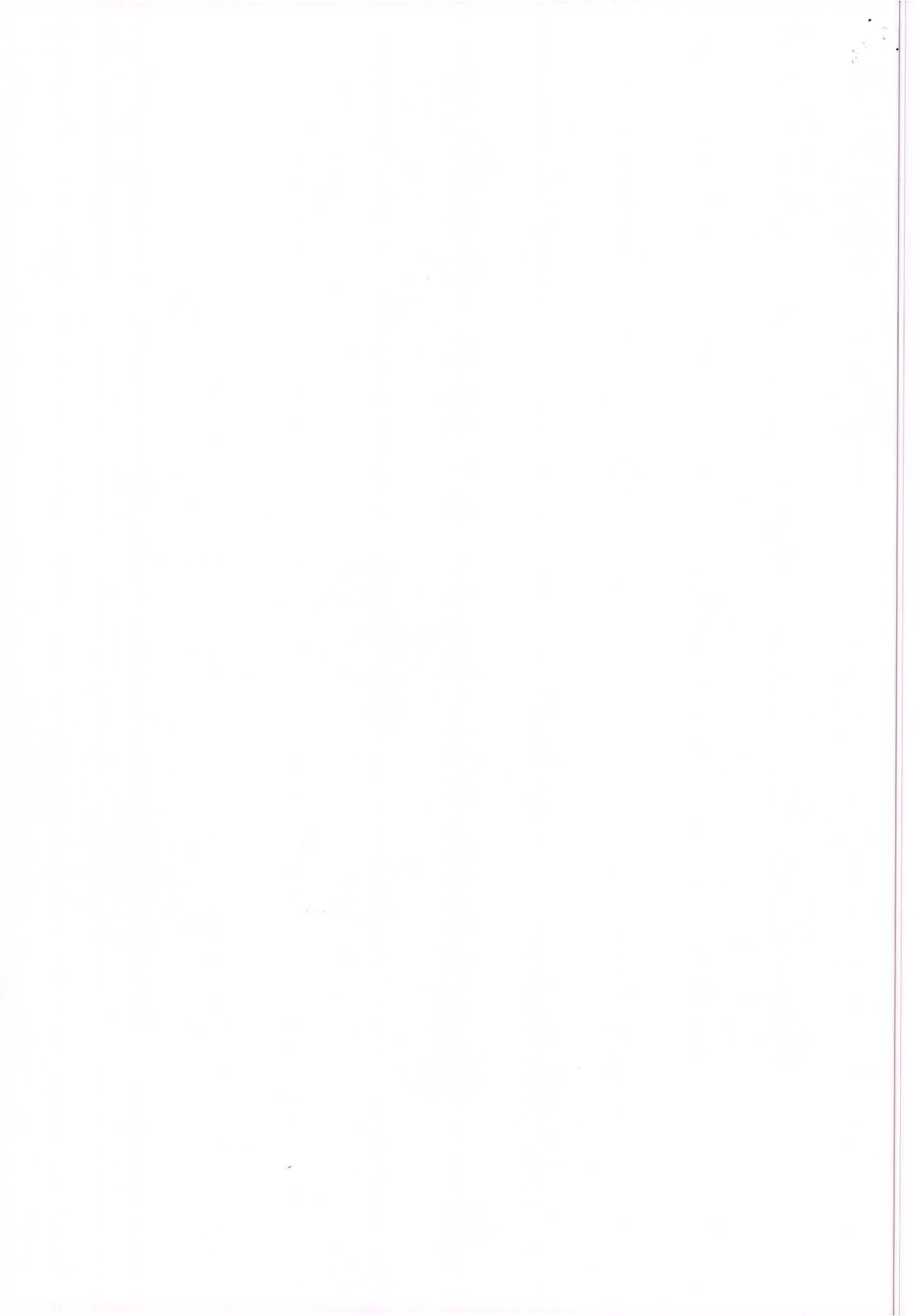
5. Chỉ tiêu vi sinh:

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ TÍNH | MỨC TỐI ĐA |
|-----|---------------------------|-------------|-----------------|
| 1 | <i>Enterobacteriaceae</i> | CFU/g | 10 ² |
| 2 | <i>Salmonella</i> | /25 g | Không phát hiện |

6. Chỉ tiêu kim loại nặng:

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ TÍNH | MỨC TỐI ĐA |
|-----|--------------|-------------|------------|
| 1 | Arsen (As) | mg/kg | 0,5 |
| 2 | Cadmi (Cd) | mg/kg | 1 |
| 3 | Chì (Pb) | mg/kg | 0,02 |

10/05



| | | | |
|---|----------------|-------|------|
| 4 | Thủy ngân (Hg) | mg/kg | 0,05 |
|---|----------------|-------|------|

7. Chỉ tiêu độc tố vi nấm:

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ TÍNH | MỨC TỐI ĐA |
|-----|--------------|-------------|------------|
| 1 | Aflatoxin M1 | µg/kg | 0,5 |

8. Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng ngay sau khi mở bao bì.

9. Thông tin cảnh báo: Trong thành phần có chứa đạm sữa. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

10. Chất liệu bao bì, quy cách đóng gói:

Đóng gói với khối lượng tịnh: 110 g hoặc tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên bao bì sản phẩm.

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi Giấy/PE và khay nhựa PE tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Bên ngoài là thùng giấy carton. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

11. Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

12. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản lạnh -18°C đến -20°C.

13. Nội dung ghi nhãn: Theo đúng với các quy định pháp luật hiện hành về ghi nhãn hàng hóa thực phẩm.

Thành phố Nha Trang, Ngày 01 tháng 04 năm 2025

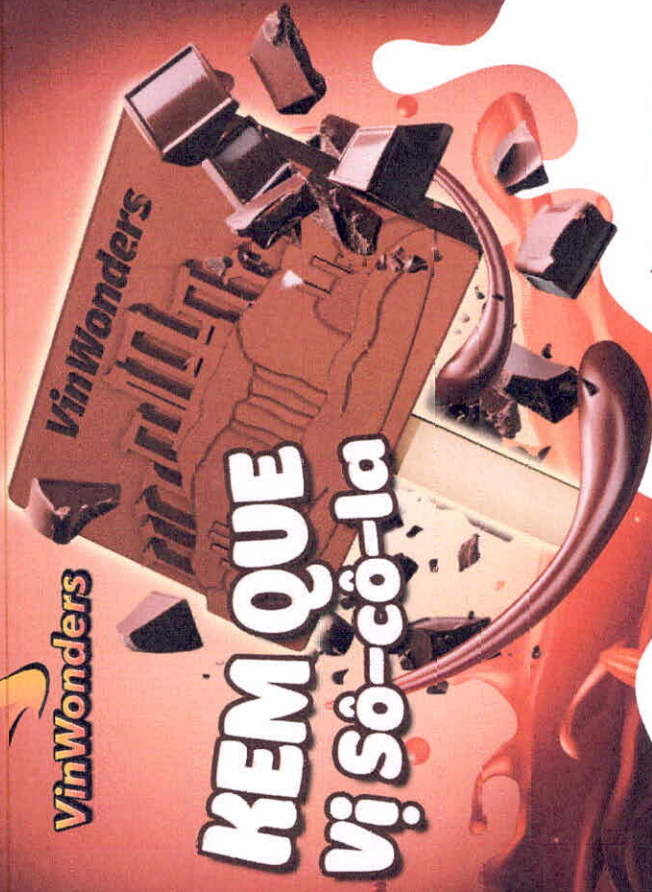
Đại Diện Tổ Chức, Cá Nhân



VÕ THỊ PHƯƠNG THẢO

VINPEARL
MSDN: 4200456848





Khối lượng tịnh: 110 g



8 938510 422949

Thành phần: nước, bột kem béo thực vật, đường, bột chocolate (3%), bột sữa tách kem, bột kem nền gelato, bột cacao.
Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng ngay sau khi mở bao bì.
NSX & Lô SX: Xem trên bao bì.
Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ NSX.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản lạnh ở -18°C đến -20°C.
Thông tin cảnh báo: Trong thành phần có chứa đạm sữa.
 Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.
Xuất xứ: Việt Nam.

Sản phẩm của: Công ty cổ phần Vinpearl.
 Đảo Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyên,
 Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
Sản xuất tại:
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ TYRAN
 D20/530A Trinch Quang Nghi, Xã Phong Phú,
 Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

| | |
|-----------------------|------------|
| Thành phần dinh dưỡng | Trên 100 g |
| Năng lượng | 100 kcal |
| Chất đạm | 1 g |
| Carbohydrate | 23.9 g |
| Đường tổng số | 17.7 g |
| Chất béo | 6.1 g |
| Chất béo bão hòa | 6.0 g |
| Natri | 18.7 mg |



Trang/ Page No: 1/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 06/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z266C0534

Mã KQ/ RP. No: 001014227.00

1. **Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : **CÔNG TY CỔ PHẦN VINPEARL**
2. **Địa chỉ/ Client's Address (c)** : **Đào Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyên, TP.Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam**
3. **Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : **01/03/2025**
4. **Thời gian phân tích/ Date of Testing** : **01/03/2025 - 06/03/2025**
5. **Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **KEM QUE VỊ SÔ-CÔ-LA**
6. **Mô tả mẫu/ Sample Description** : **Mẫu chứa trong túi nhựa kín**
7. **Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/ No. | Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s) | Kết Quả/ Result(s) | Đơn Vị/ Unit | GHPH/ LOD | Phương Pháp Thử/ Test Method |
|-------------|--|----------------------------------|-----------------|--------------|---|
| 1 | Enterobacteriaceae (*) | < 10 | CFU/g | - | ISO 21528-2:2017 |
| 2 | Salmonella spp. (*) | Không phát hiện/ Not Detected | /25g | - | ISO 6579-1:2017/Amd1:2020 |
| 3 | Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*) | Không phát hiện/ Not Detected | mg/kg | 0.003 | TS-KT-QP-27:2021 |
| 4 | Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*) | Không phát hiện/ Not Detected | mg/kg | 0.003 | TS-KT-QP-27:2021 |
| 5 | Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*) | Không phát hiện/ Not Detected | mg/kg | 0.003 | TS-KT-QP-27:2021 |
| 6 | Thủy ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*) | Không phát hiện/ Not Detected | mg/kg | 0.003 | TS-KT-QP-27:2021 |
| 7 | Aflatoxin M ₁ (*) | Không phát hiện/ Not Detected | µg/kg | 0.003 | TS-KT-SK-39:2018 (Ref. TCVN 6685:2009) |
| 8 | Năng lượng/ Calories | 150 | kcal/100g | - | Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition) |
| 9 | Đạm tổng (*)/ Total protein (*) | 0.978 | % | - | TS-KT-HCB-001:2018 |
| 10 | Carbohydrat (*)/ Carbohydrate (*) | 22.9 (không bao gồm xơ) | % | - | TS-KT-HCB-004:2020 |
| 11 | Béo tổng (*)/ Total fat (*) | 6.09 | % | - | TS-KT-HCB-002:2018 |
| 12 | Chất béo bão hoà (*)/ Saturated fat (*) | 6.00 | % | - | TS-KT-SK-13:2020 (Ref. AOAC 996.06) |
| 13 | Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*) | 99.7 | mg/100g | - | TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013, AOAC 999.11) |
| 14 | Đường tổng (tính theo glucose) (*)/ Total sugar (as glucose) (*) | 17.7 | % | - | TS-KT-HCB-003:2018 (Ref. TCVN 4594:1988) |

Handwritten signature

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

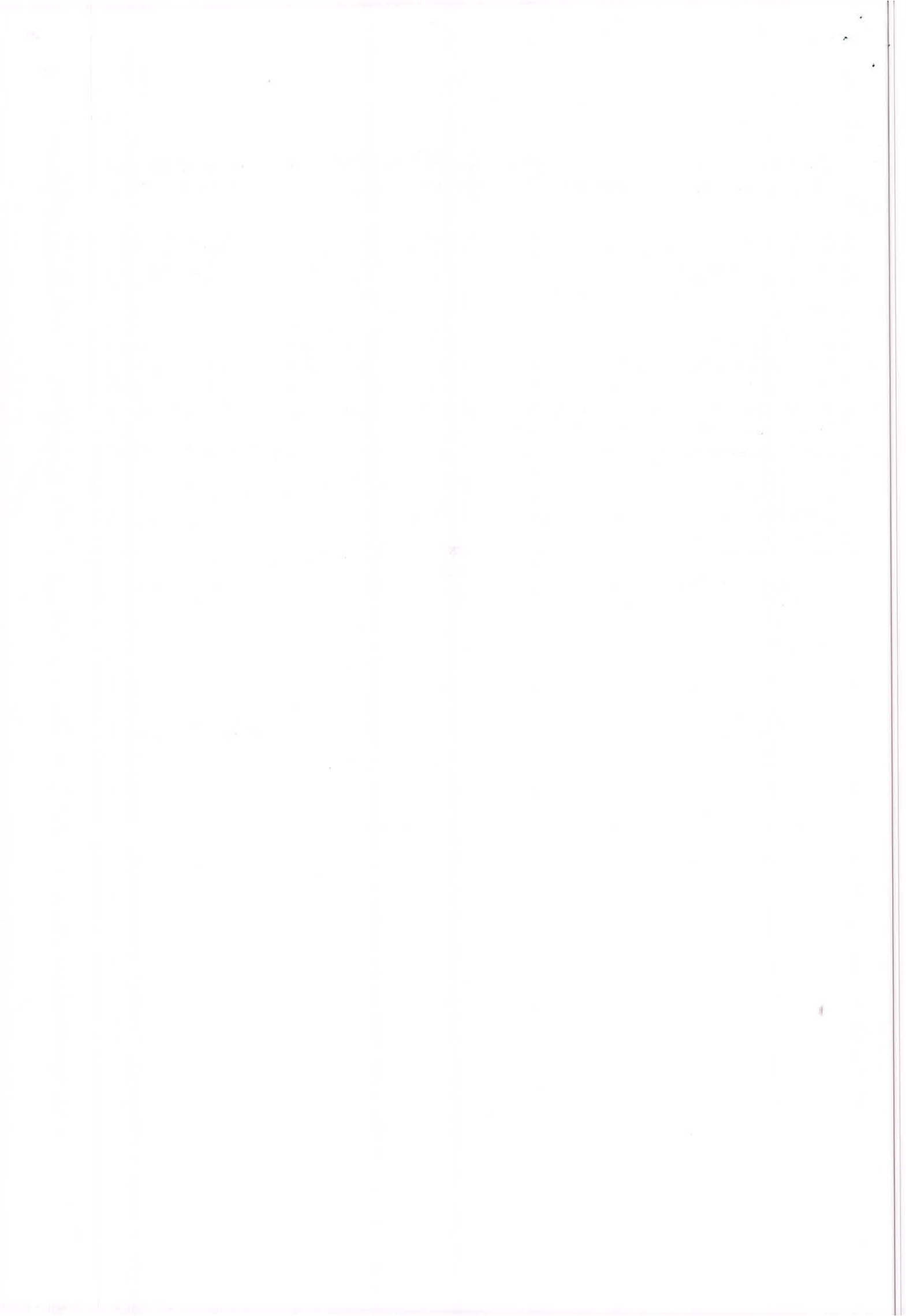
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 2/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 06/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z266C0534

Mã KQ/ RP. No: 001014227.00

| STT/ No. | Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s) | Kết Quả/ Result(s) | Đơn Vị/ Unit | GHPH/ LOD | Phương Pháp Thử/ Test Method |
|-------------|---|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|
| 15 | Xơ tổng số (*)/ Total dietary fiber (*) | 1.64 | % | - | AOAC 991.43 |

Chú thích/ Remarks:

Theo phương pháp thử, khi không chứa bất kỳ khuẩn lạc nào trên đĩa, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (sản phẩm dạng khác) hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL (sản phẩm dạng lỏng) có nghĩa là không phát hiện vi sinh vật trên phần mẫu thử./ When there is no colony on the plate, the test method indicates that the result is less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL that mean not detected microbiology per testing sample.

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYNH TÁN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

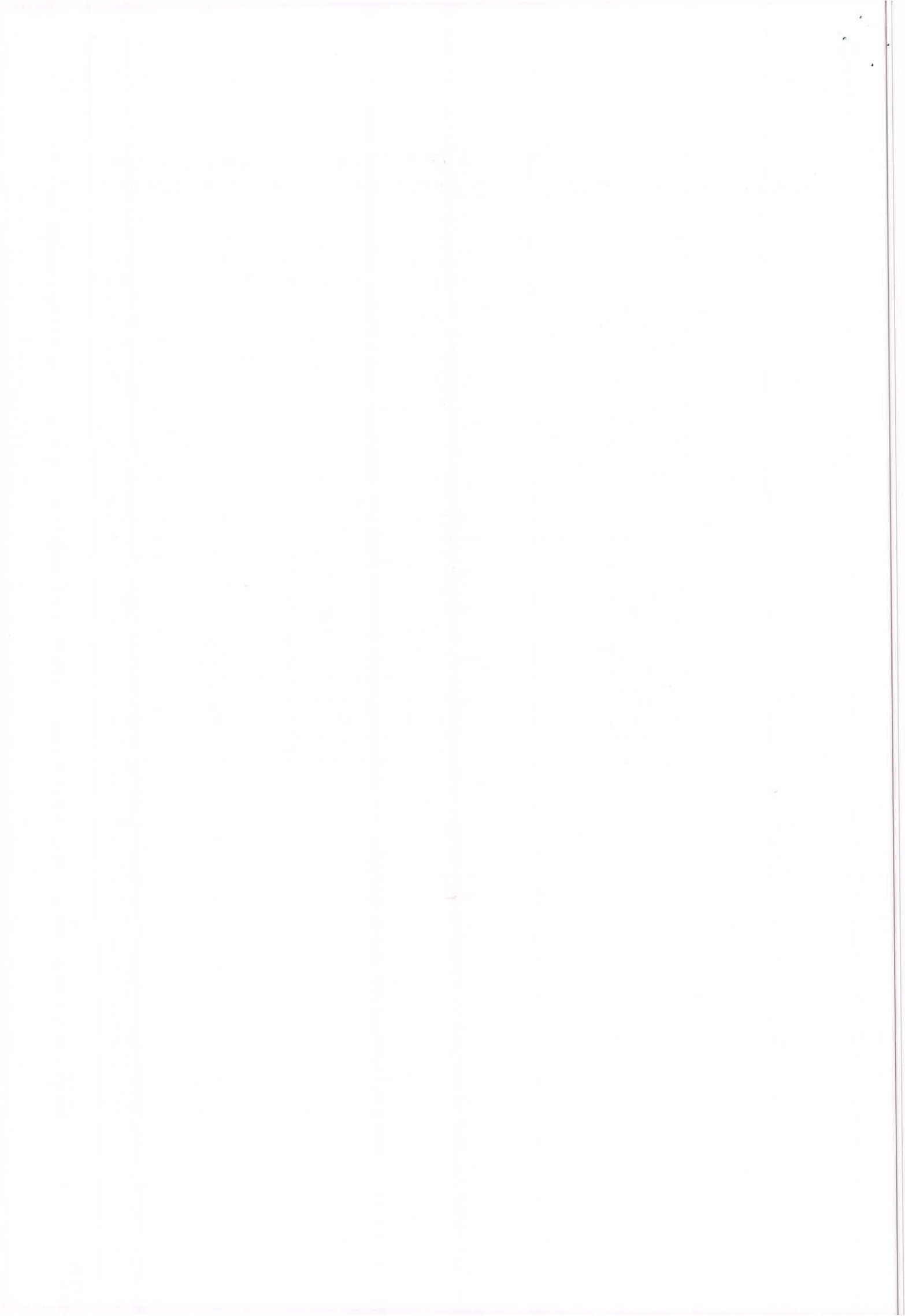
Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

615-06
-ING TÁN
-NGH
TSL
-I NH
-G T Y
HOA H
TSL
-4-TR



Trang/ Page No: 3/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 06/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z266C0534

Mã KQ/ RP. No: 001014227.00

| THÔNG TIN DINH DƯỠNG | | | |
|-------------------------|-------------|-------------|--|
| Thành phần dinh dưỡng | Trên 100g | | % giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV) |
| Năng lượng | 150 | Kcal | 8% |
| Chất đạm | 1 | g | 2% |
| Carbohydrate | 22.9 | g | 7% |
| Đường tổng số | 17.7 | g | - |
| Chất béo | 6.1 | g | 11% |
| Chất béo bão hòa | 6.0 | g | 30% |
| Natri | 99.7 | mg | 5% |

| THÔNG TIN DINH DƯỠNG | | | |
|-------------------------|-------------|-------------|--|
| Thành phần dinh dưỡng | Trên 80g | | % giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV) |
| Năng lượng | 120 | Kcal | 6% |
| Chất đạm | 0.8 | g | 2% |
| Carbohydrate | 18.3 | g | 6% |
| Đường tổng số | 14.2 | g | - |
| Chất béo | 4.9 | g | 9% |
| Chất béo bão hòa | 4.8 | g | 24% |
| Natri | 79.8 | mg | 4% |



Bảng Nutrition facts chỉ mang tính chất tham khảo. Khách hàng chịu trách nhiệm cho nhãn thông tin dinh dưỡng công bố cho sản phẩm.
Only for reference. The final nutrition fact label forms that are stated on the products will be the responsibility of the customers.

**TSL SCIENCE CO.,LTD****HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

